

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ NĂM 2019

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ

Tên của quỹ: Quỹ Đầu tư trái phiếu Ngân hàng Công Thương Việt Nam (Viết tắt: VTBF)

Loại hình quỹ: Quỹ mở

Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Quỹ hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên.

Thời hạn hoạt động của quỹ (nếu có): Không xác định.

Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio) (nếu có): Quỹ không có danh mục đầu tư tham chiếu.

Chính sách phân chia lợi nhuận:

Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ do Công ty Quản lý Quỹ đề xuất trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận có đủ lợi nhuận để phân phối và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận. Công ty Quản lý quỹ khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp luật trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư. Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- Quỹ không còn đủ khả năng tài chính để thực hiện các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của mình theo quy định của Pháp luật; hoặc
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu do Pháp luật quy định

Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày 31/12/2019: 8.464.853,63 chứng chỉ quỹ

Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo (nếu có): Nội dung thay đổi Điều lệ Quỹ đã được phản ánh trong Điều lệ mới và được công bố thông tin trên website của Công ty:

http://vietinbankcapital.vn/vi-vn/san-pham-dich-vu/san-pham/getdetai/504/PRODUCT_INFO/F52/1384

Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo (nếu có): Nội dung Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư đã được và được công bố thông tin trên website của Công ty:

http://vietinbankcapital.vn/vi-vn/san-pham-dich-vu/san-pham/getdetai/504/PRODUCT_INFO/F4/1783

Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Điều 45 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở:

Công ty Quản lý Quỹ không vi phạm các nội dung quy định tại Điều 45 Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở.

2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

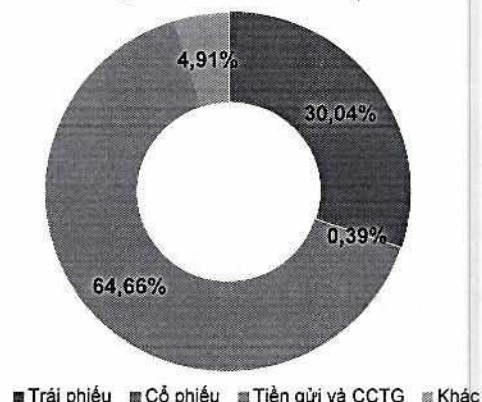
a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ, cụ thể:

Danh mục đầu tư của quỹ phân bố theo loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu...) tại thời điểm 31/12/2019:

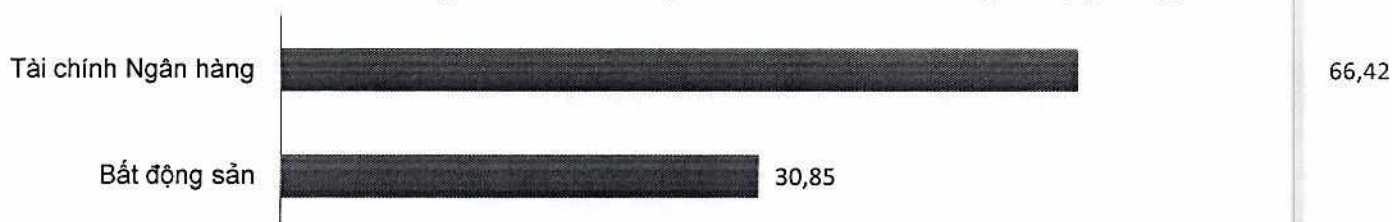


Quỹ VTBF (tính đến 31/12/2019)	Tỷ VND	Tỷ trọng
Trái phiếu doanh nghiệp	30,85	30,04%
Cổ phiếu niêm yết	0,40	0,39%
Tiền gửi & Chứng chỉ tiền gửi	66,40	64,66%
Khác	5,05	4,91%
Tổng giá trị tài sản	102,70	100,00%

**Biểu 01: Tổng tài sản quỹ VTBF
(Phân theo tài sản)**

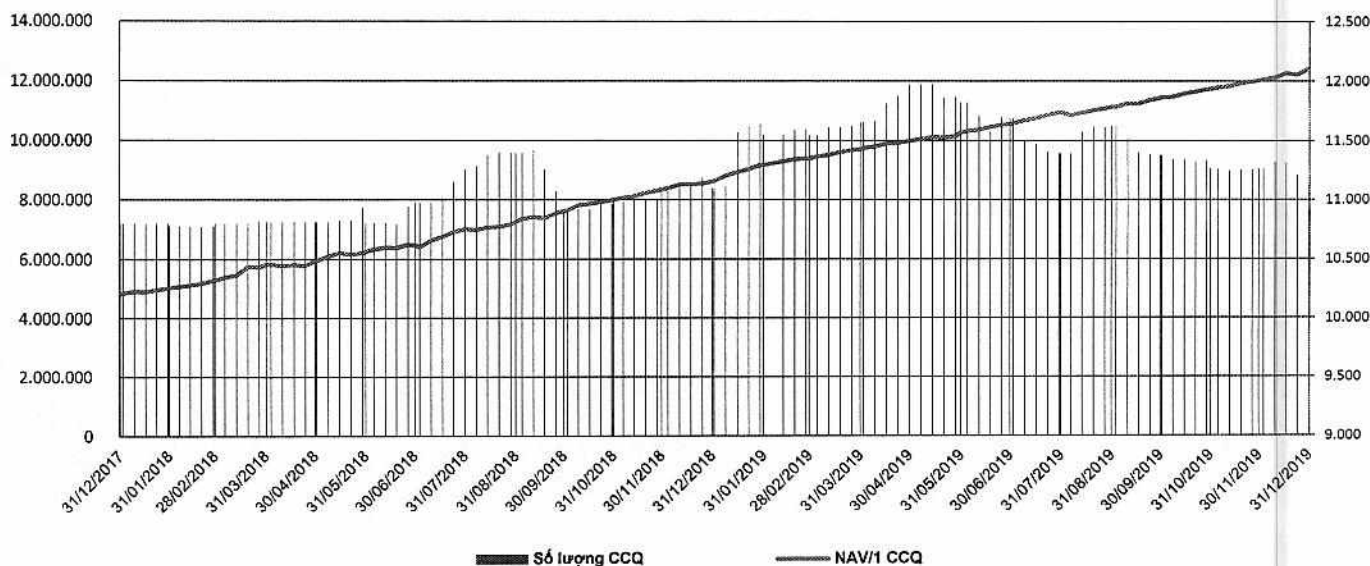


Biểu 02: Danh mục đầu tư của Quỹ VTBF - Phân bổ theo ngành (Tỷ đồng)



Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị CCQ (VND/CCQ)	Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ)	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ (VND/CCQ)	
			Cao nhất	Thấp nhất
102.459.102.752	12.104,06	8.464.853,63	12.104,06	11.156,47

Biểu 03: Số lượng CCQ và NAV/1 CCQ



Stt	Chỉ tiêu	Năm 2019 (VND)
1	Cổ tức, trái tức được nhận Dividend, Bond coupon income	4.930.882.385
2	Lãi được nhận Interest income	5.779.119.028
3	Lãi (lỗ) thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư Realised Gain / (Loss) from disposal of investment	314.044.546
4	Thay đổi về giá trị của các khoản đầu tư trong kỳ Unrealised Gain / (Loss) due to market price	272.870.006
	TỔNG	11.296.915.965

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo: Quỹ không phân phối lợi nhuận trong năm 2019.
- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ, tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2019
1	Tỷ lệ phí quản lý trả cho Công ty Quản lý quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,73%
2	Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,21%
3	Tỷ lệ phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,30%
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán (nếu phát sinh)/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,07%
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,17%
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động (*)	1,50%
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ	149,89%

(*) Tỷ lệ được tính toán cho khoảng thời gian 12 tháng tại ngày lập báo cáo tài chính, tổng chi phí hoạt động được sử dụng để tính toán là số liệu ước tính cho cả năm dựa trên kết quả hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2019

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Chỉ tiêu	Từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2018 (VND)	Từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2019 (VND)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	7.459.135.388	9.538.497.509

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng được quy định trong Điều lệ, Sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý quỹ, được Ban đại diện Quỹ thông qua và kiểm tra rà soát bởi Ngân hàng giám sát BIDV chi nhánh Hà Thành.

Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: bảng báo giá chứng khoán được cung cấp bởi 3 Công ty Chứng khoán độc lập của Quỹ và được Ban Đại diện phê duyệt hàng năm.

Lưu ý: Các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý quỹ: Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
Trụ sở: Tầng 6, TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội

- a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có): không có
- b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư
So với thời điểm cuối năm 2018 giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ VTBF tính đến ngày 31/12/2019 đã tăng 8,52% giá trị; tương đương với mức tăng 8,52%/năm, cao hơn mức lợi nhuận kỳ vọng (không phải là tỷ suất lợi nhuận tham chiếu) của quỹ VTBF là 8%/năm.
- c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bảng đồ thị): Quỹ không áp dụng danh mục tham chiếu, chỉ số tham chiếu.
- d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bảng đồ thị): Quỹ không áp dụng danh mục tham chiếu, chỉ số tham chiếu.
- e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ:

Trong kỳ, Quỹ tiếp tục lựa chọn cơ hội đầu tư và giải ngân thận trọng, bám sát vào chiến lược đầu tư đã đặt ra trong Bản cáo bạch, nhằm mang lại lợi nhuận dài hạn và ổn định bằng cách ưu tiên chủ yếu vào các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt, cơ cấu đầu tư tuân thủ theo Điều lệ và Bản cáo bạch hiện hành. Theo đó tỷ trọng các tài sản có thu nhập cố định (tiền gửi, CCTG, TPDN) tại thời điểm cuối năm chiếm trên 94% tổng tài sản của Quỹ.

Việc phân bổ tài sản trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản.

- f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2018		31/12/2019	
		(VND)	Tỷ trọng	(VND)	Tỷ trọng
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở	4.205.958.430	4,45%	376.920.446	0,37%
2	Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	5.000.000.000	5,28%	8.000.000.000	7,79%
3	Cổ phiếu	483.000.000	0,51%	404.250.000	0,39%
4	Trái phiếu	40.846.221.761	43,15%	30.851.757.799	30,04%
5	Đầu tư khác	30.008.732.832	31,70%	58.021.041.293	56,50%
6	Tài sản khác	14.110.748.806	14,91%	5.046.100.766	4,91%
	Tổng giá trị danh mục	94.654.661.829	100,00%	102.700.070.304	100,00%

- g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất: Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại kỳ định giá 31/12/2018 : 11.154,04

VND đã tăng thêm 8,52% giá trị và đạt 12.104,06 VND tại ngày 31/12/2019. Trong năm 2019, quỹ không phân chia lợi nhuận.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo

Tình hình kinh tế vĩ mô trong năm 2019

- GDP Việt Nam năm 2019 tăng 7,02%, vượt mục tiêu mà Quốc hội đề ra (từ 6,6% đến 6,8%) và là năm thứ 2 liên tiếp tăng trưởng trên 7%. Trong mức tăng trưởng của toàn nền kinh tế năm 2019, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,01%, đóng góp 4,6% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,90%, đóng góp 50,4%; khu vực dịch vụ tăng 7,3%, đóng góp 45,0 vào mức tăng trưởng chung.
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2019 tăng 2,79% so với năm 2018, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra cũng là mức tăng bình quân thấp nhất trong 3 năm qua. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2018 tăng 2,01 so với bình quân năm 2018.
- Cơ cấu kinh tế của Việt Nam tiếp tục chuyển dịch tích cực theo xu hướng giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản; tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng và ngành dịch vụ. Năm 2019, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 13,96% GDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 34,49%; khu vực dịch vụ chiếm 41,64%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,91%.
- Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 9,9 tỷ USD, mức cao nhất trong 4 năm liên tiếp xuất siêu. Ước tính cả năm 2019, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa thiết lập mức kỷ lục mới với 519,96 tỷ USD. trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 263,45 tỷ USD, tăng 8,1% so với năm trước. Năm 2019 ghi nhận sự phát triển mạnh mẽ của khu vực kinh tế trong nước trong lĩnh vực xuất khẩu với tốc độ tăng trưởng đạt tới 17,7%, cao hơn rất nhiều tốc độ tăng của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (4,2%).
- Tổng số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm trong năm 2019 (tính đến 20/12/2019) đạt 38 USD, tăng 7,2% so với năm 2018. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2019 đạt 20,4 tỷ USD, tăng 6,7% so với năm 2018.
- Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/12/2019 ước tính đạt 1.414,3 nghìn tỷ đồng, bằng 100,2% dự toán năm, trong đó thu tiền sử dụng đất, thu từ dầu thô và thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu vượt mức dự toán, các khoản thu quan trọng khác như thu từ khu vực kinh tế ngoài Nhà nước, thu thuế thu nhập cá nhân... cũng đạt trên 90% dự toán năm. Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/12/2019 ước tính đạt 1.316,4 nghìn tỷ đồng, bằng 80,6% dự toán năm. Chi ngân sách năm 2019 đáp ứng các nhiệm vụ đầu tư phát triển, chi trả nợ, bảo đảm quốc phòng, an ninh...

03 lĩnh vực chính đóng góp tăng trưởng GDP 2019 là:

- Nông lâm nghiệp thủy sản (+2,01%);
- Dịch vụ (+7,30%);
- Công nghiệp xây dựng (+8,90%).

GDP growth 2019
7,02%

GDP thực tế 2019
6,03 triệu tỷ đồng

2,01%



7,30%



8,90%



Thị trường tiền tệ

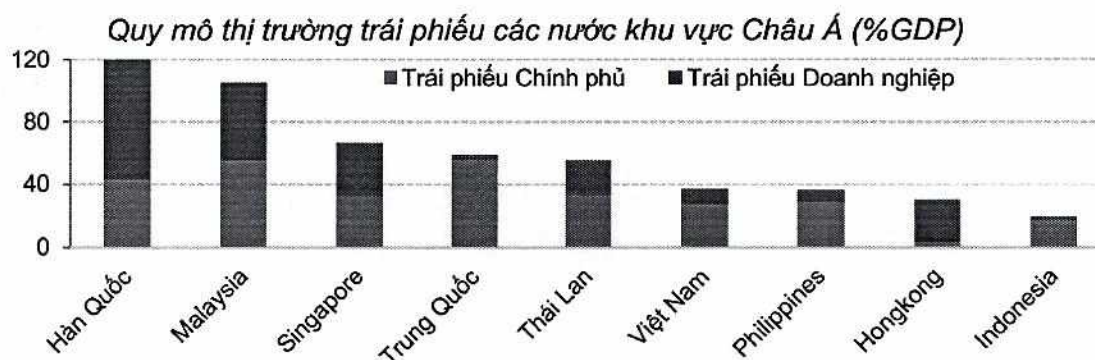
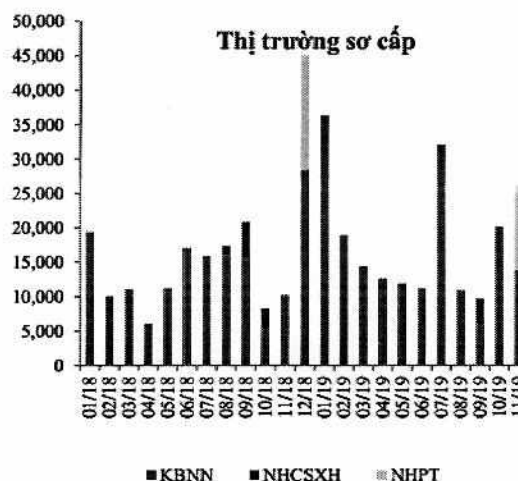
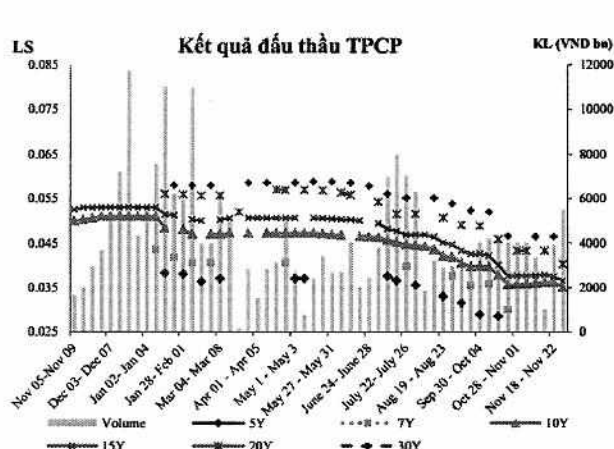
- Tính đến ngày 20/12/2019, tổng phương tiện thanh toán tăng 12,1% so với cuối năm 2018 (cùng kỳ năm 2018 tăng 11,3%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 12,5% (cùng kỳ năm 2018 tăng 11,5%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế tăng 12,1% (cùng kỳ năm 2018 tăng 13,3%).
- Năm 2019, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành các văn bản điều chỉnh giảm lãi suất có hiệu lực từ ngày 19/11/2019. Theo đó, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam đối với nhu cầu vốn phục vụ nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao giảm từ 6,5%/năm xuống 6%/năm. Nhiều ngân hàng thương mại đã đồng loạt công bố giảm lãi suất cho vay góp phần hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn để đẩy mạnh sản xuất kinh doanh. Mặt bằng lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 0,2%-0,8%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,3%-5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,3%-7%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức 6,6%-7,5%/năm. Lãi suất cho vay đồng Việt Nam phổ biến khoảng 6%-9%/năm đối với ngắn hạn và 9%-11%/năm đối với trung và dài hạn.
- Cơ cấu tín dụng tiếp tục hướng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các lĩnh vực ưu tiên; tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro được kiểm soát chặt chẽ, bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng.
- Hoạt động kinh doanh bảo hiểm quý IV/2019 tiếp tục đạt mức tăng trưởng cao, ước tính tăng 20% so với cùng kỳ năm trước, trong đó doanh thu phí bảo hiểm lĩnh vực nhân thọ tăng 25%, lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tăng 10%. Ước tính doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường năm 2019 đạt 160,2 nghìn tỷ đồng, tăng 20,3% so với năm 2018, trong đó doanh thu phí bảo hiểm lĩnh vực nhân thọ đạt 107,8 nghìn tỷ đồng, tăng 25,1%; lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ đạt 52,4 nghìn tỷ đồng, tăng 11,6%.
- Tỷ giá USD/VND được giữ ổn định nhiều tháng qua. Theo Tổng cục thống kê, trong năm 2019, chỉ số giá USD tăng 0,99% so với năm 2018.

Thị trường trái phiếu trái phiếu

- Thị trường trái phiếu Chính phủ: Năm 2019, Kho bạc Nhà nước huy động được 215.267 tỷ đồng TPCP thông qua hình thức đấu thầu tại HNX, đạt 86% kế hoạch phát hành năm 2019. Trong những năm gần đây cho thấy xu hướng KBNN phát hành đầy tăng khối lượng kỳ hạn dài và giảm khối lượng kỳ hạn ngắn. Trong đó, lượng trái phiếu phát hành tập trung vào các kỳ hạn 10 năm & 15 năm. Tổng giá trị niêm yết trái phiếu Chính phủ tính đến 30/12/2019 đạt hơn 1,15 triệu tỷ đồng.
- Thị trường trái phiếu doanh nghiệp: Theo thống kê công bố từ HNX và từ các doanh nghiệp, trong năm 2019, có 211 doanh nghiệp thực hiện chào bán tổng cộng 300.588 tỷ đồng trái phiếu, chia làm 807 đợt phát hành trong đó có 12 đợt phát hành không thành công. Tổng số trái phiếu phát hành cả năm là 280.141 tỷ đồng, tương đương 93,2% giá trị chào bán và tăng 25% so với năm 2018. Hầu hết các doanh nghiệp phát hành dưới hình thức riêng lẻ, chỉ có khoảng 6% phát hành ra công chúng bởi các ngân hàng thương mại. Lượng phát hành lớn trong năm đã khiến quy mô thị trường TPDN tăng mạnh từ 9,01% GDP (2018) lên khoảng 11,3% GDP (2019), tổng lượng TPDN lưu hành đạt gần 670 nghìn tỷ đồng.
- Các NHTM phát hành 115.422 tỷ đồng trái phiếu, chiếm tỷ trọng lớn nhất (41,2%) trong tổng lượng TPDN phát hành 2019. Các doanh nghiệp bất động sản phát hành 106.531 tỷ đồng trái phiếu, đứng thứ 2 với tỷ trọng 38%. Tiếp sau là nhóm các doanh nghiệp năng lượng và khoáng sản (13,2 nghìn tỷ đồng – 4,7%); các định chế tài chính phi ngân hàng mà chủ yếu là

các CTCK (10,4 nghìn tỷ đồng – 3,8%); các doanh nghiệp phát triển hạ tầng (7,6 nghìn tỷ đồng – 2,8%); còn lại là các doanh nghiệp khác.

- Theo thống kê của Ngân hàng Châu Á (ADB), tổng quy mô thị trường trái phiếu Việt Nam (gồm cả TPCP và TPDN) tại 30/9/2019 là 95,37 tỷ USD, tương đương 37,6% GDP – là mức tương đương với Philippines nhưng còn cách khá xa Trung Quốc, Thái Lan (xấp xỉ 60% GDP). Các nước càng phát triển thì tỷ trọng kênh trái phiếu trên GDP càng lớn như Nhật Bản là 214% GDP; Hàn Quốc là 120% GDP...



(Nguồn: Tổng hợp)

Thị trường chứng khoán

- Thị trường chứng khoán năm 2019 có nhiều đóng góp trong việc huy động vốn cho nền kinh tế với tổng mức huy động đạt 313,9 nghìn tỷ đồng. Chỉ số VN-Index chốt năm 2019 đạt 960,99 điểm, tăng 7,4% so với cuối năm 2018. Mức vốn hóa thị trường cổ phiếu niêm yết (tính đến 31/12/2019) đạt 4,38 triệu tỷ đồng, tăng 11% so thời điểm 31/12/2018.
- Tính đến cuối năm 2019, thị trường cổ phiếu có 748 cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết trên HoSE và HNX; 862 cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM. Ngoài ra, thị trường có 517 mã trái phiếu niêm yết với giá trị niêm yết đạt gần 1,2 triệu tỷ, tăng 5,6% (tương đương 21,4% GDP). Giá trị giao dịch bình quân trên thị trường thứ cấp năm 2019 đạt 9.139 tỷ đồng/phiên, tăng 3,4% so với bình quân 2018.
- Thị trường chứng khoán phát sinh tiếp tục ghi nhận sự tăng trưởng, đã có 89.795 tài khoản giao dịch phát sinh với 18 Công ty Chứng khoán cung cấp dịch vụ. Khối lượng giao dịch bình quân

đạt 88.900 hợp đồng/phần, tăng 13,5% so với bình quân giao dịch năm 2018. Trong năm 2019, thị trường chứng khoán phái sinh cũng chứng kiến sản phẩm mới được đưa vào giao dịch chính thức, cụ thể là Chứng quyền có bảo đảm (CW) và Hợp đồng tương lai Trái phiếu chính phủ (Bond Futures). Mặc dù vậy thì khác với Hợp đồng tương lai chỉ số VN30, các sản phẩm mới này nhìn chung chỉ thu hút được sự chú ý của một bộ phận nhà đầu tư trong thời gian đầu và chưa thực sự tạo được nhiều dấu ấn trên thị trường kể từ sau thời điểm ra mắt.

- i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): Không có.
- k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: Không có.
- l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): Không có.

4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam –Chi nhánh Hà Thành.

Địa chỉ: 74 Thợ Nhuộm, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần 10 ngày 20/05/2015.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/08/2006.

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ Đầu tư Trái Phiếu Ngân hàng Công Thương Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong năm tài chính 2019, Quỹ Đầu tư Trái Phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam (VTBF) đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
 - Tuy nhiên, tại một số kỳ định giá danh mục của quỹ VTBF có tỷ lệ đầu tư của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành chưa đảm bảo hạn chế đầu tư của Quỹ theo quy định tại khoản 10.1.c, điều 10 của Điều lệ Quỹ và khoản 4.c, điều 15 của Thông tư 183/2011/TT-BTC: “Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu, cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi” cụ thể như sau:
 - Tại kỳ báo cáo từ ngày 09/10/2019 đến 20/11/2019: Công ty tài chính cổ phần Tín Việt lần lượt là 20,17%; 20,11%; 20,09%; 20,28%; 20,92%; 20,71%; 21,00%; 20,96%
 - Tại kỳ báo cáo ngày 31/07/2019, từ ngày 31/10/2019 đến 30/11/2019 và 31/12/2019: Công ty cổ phần Vinhomes là 20,1%; 20,36%; 20,16%; 20,36%; 20,40%; 20,20%, 20,34%; 20,22%
 - Tại kỳ báo cáo ngày 25/12/2019: Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng là 20,1%
 - Tại kỳ báo cáo ngày 31/12/2019: Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (SHBFC) là 20,34%

Ngân hàng giám sát đã gửi báo cáo UBCK và gửi thông báo tới công ty QLQ để khắc phục

- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong năm 2019, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

Dịch vụ Quản trị Quỹ:

Bên nhận ủy quyền: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành

Địa chỉ: số 74 Phố Thợ Nhuộm, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Hoạt động nhận ủy quyền: Dịch vụ quản trị quỹ

Dịch vụ đại lý chuyển nhượng:

Bên nhận ủy quyền: Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

Địa chỉ: số 112 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

Hoạt động nhận ủy quyền: Dịch vụ đại lý chuyển nhượng

- a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ: Ngân hàng BIDV - chi nhánh Hà Thành nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, xác định giá trị tài sản ròng, Trung tâm lưu ký chứng khoán VSD cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng trong kỳ.

- Chi phí trả cho dịch vụ lưu ký tài sản quỹ mở	: 181.263.978 đồng
- Chi phí trả cho dịch vụ giám sát	: 66.000.000 đồng
- Chi phí trả cho dịch vụ quản trị quỹ mở	: 198.000.000 đồng
- Chi phí trả cho dịch vụ chuyển nhượng	: 133.100.000 đồng

- b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: Không có

- c) Tổng chi phí các hoạt động g ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền trong năm 2019 (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ:

- Tổng chi phí cho các hoạt động ủy quyền	: 578.363.978 đồng
- Tỷ lệ chi phí cho các hoạt động ủy quyền trên tổng chi phí hoạt động	: 33,89%
- Tỷ lệ chi phí cho các hoạt động ủy quyền trên tổng thu nhập	: 5,12%
- Tỷ lệ chi phí cho các hoạt động ủy quyền trên lợi nhuận (trước thuế):	6,06%

- d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền: Các bên nhận ủy quyền có khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ NHTMCPCTVN

K.T. Tổng giám đốc
Phó Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Lan